

Số: 17/2020/QĐST-DS

P, ngày 07 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 27/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: N; địa chỉ trụ sở: Số 108, T, H, H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lã Văn V; Giám đốc N, chi nhánh Đ; địa chỉ: Số 07, đường T, phường M, thành phố P, tỉnh Đ; Người đại diện theo ủy quyền của ông Lã Văn V: Ông Nguyễn Ngọc Đ - Trưởng phòng tổng hợp N, chi nhánh Đ; (*Quyết định về việc ủy quyền số 910/QĐ-HĐTV-PC ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị*);

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc V và bà Phạm Kiều T;

Cùng địa chỉ: Bản N, phường N, thành phố P, tỉnh Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Xuân Q và bà Đặng Thị N;

Cùng địa chỉ: Ki ốt 03, chợ N, phường N, thành phố P, tỉnh Đ.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Trần Ngọc V và bà Phạm Kiều T có trách nhiệm trả cho N, chi nhánh Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/4/2020 là 432.109.345đ (*Bốn trăm ba mươi hai triệu, một trăm linh chín nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng*); Trong đó: 399.963.849 đ (*Ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng*) tiền gốc; 32.145.496 đ (*Ba mươi hai triệu, một trăm bốn*

mười lăm nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng) tiền lãi, gồm: lãi trong hạn 28.512.969 đ (Hai mươi tám triệu, năm trăm mười hai nghìn, chín trăm sáu mươi chín đồng); Lãi quá hạn 3.632.527 đ (Ba triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng): Cụ thể tại các hợp đồng tín dụng sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng số 29/2017- HĐTD/NHCT184- PGDNB ngày 09/3/2017: Tiền gốc là 311.963.849đ (Ba trăm mười một triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng), tiền lãi là 27.346.071đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi đồng), trong đó: Tiền lãi trong hạn là 24.084.002 đ (Hai mươi bốn triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, không trăm linh hai đồng), lãi quá hạn là: 3.262.069 đ (Ba triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng);

1.2. Hợp đồng tín dụng số 100/2019-HĐCV/NHCT184- PGDNB ngày 04/4/2019 tiền gốc là 88.000.000 đ (Tám mươi tám triệu đồng), nợ lãi 4.799.425đ (Bốn triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó lãi trong hạn là 4.428.967đ (Bốn triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng). Lãi quá hạn là: 307.458đ (Ba trăm linh bảy nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng);

2. Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản số 309/2016/HĐTC-PGDNB ngày 08/11/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 29/2017/PLHDDTC01-PGDNB ngày 08/3/2017 giữa N- chi nhánh Đ với ông Trần Xuân Q và bà Đặng Thị N là quyền sử dụng đất: Diện tích 184m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48a, tờ bản đồ số 24 (Bản đồ lập năm 2010), mục đích sử dụng: Đất ở đô thị 100m², đất trồng cây hàng năm khác: 84m², địa chỉ: Bản N, phường N, thành phố P, tỉnh Đ. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất số BG042179, số vào sổ cấp GCN: CH23477, do UBND thành phố P cấp ngày 28/12/2012 để đảm bảo thi hành các khoản nợ trên của ông Trần Ngọc V và bà Phạm Kiều T.

Tiếp tục thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Đ.

3. Ông Trần Ngọc V và bà Phạm Kiều T phải tiếp tục trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với số tiền gốc còn nợ, tính từ ngày 30/4/2020 đến khi thi hành án xong, cụ thể:

3.1. Lãi trong hạn là 11%/năm đối với khoản tiền gốc là: 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Lãi quá hạn là 16,50%/năm đối với số tiền gốc là 21.963.849đ (Hai mươi một triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), tại hợp đồng tín dụng số 29/2017-HĐTD/NHCT184-PGDNB ngày 04/4/2019.

3.2. Lãi trong hạn là 11%/năm đối với số tiền gốc là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng), tại hợp đồng tín dụng số 100/2019-HĐCV/NHCT184- PGDNB ngày 04/4/2019.

Trong trường hợp ông V, bà T chưa trả được nợ theo đúng thời hạn đã cam kết trong hợp đồng, thì sẽ trả lãi quá hạn cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết = 150% lãi trong hạn.

4. Án phí: Ông Trần Ngọc V và bà Phạm Kiều T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.642.186 (*Mười triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng*).

Trả lại cho N, chi nhánh tỉnh Đ 11.646.672 đ (*Mười một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2010/08195 ngày 08/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Đ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ný sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Thi hành án dân sự TP.ĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Thị Thúy Thành

